

TÍNH GIAO THOA CỦA CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN GIÁO DỤC TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

PGS.TS. HÀ NHẬT THĂNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Những năm gần đây, có hiện tượng xác định cơ sở lí luận và thực tiễn cho một đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH), cho một hoạt động thực tiễn hoặc cho một phong trào thi đua trong giáo dục (GD), hoặc cho việc xây dựng nội dung các văn bản về GD... chưa xuất phát từ những cơ sở thật sự biện chứng, khoa học, vì vậy tính khuyết phục của kết quả NCKH, của các phong trào, hoạt động GD thực tiễn chưa cao. Không ít luận văn, luận án tiến sĩ, công trình NCKH dựa vào nội dung các văn bản pháp quy (nhiều khi đã không còn phù hợp với thực tiễn) coi đó là cơ sở lí luận của NCKH. Họ nhầm lẫn giữa cơ sở lí luận của NCKH với cơ sở pháp lí của quản lí.

Cũng có không ít người chỉ dựa vào một vài yếu tố riêng lẻ (đôi khi không cơ bản); cũng có người mới chỉ xác định được nội hàm những khái niệm công cụ đã coi như xác định được cơ sở lí luận của một vấn đề NCKH...

Những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách và sự phát triển GD có rất nhiều điểm khác nhau, nhưng cũng có những điểm chung cần phân định.

Xuất phát từ thực trạng trên, trong bài viết này chúng tôi xin được chia sẻ một vài suy nghĩ về tính giao thoa, thực chất đó là logic biện chứng của các yếu tố, các quy luật của quá trình phát triển giáo dục, phát triển nhân cách trong giai đoạn hiện nay.

1. Tính giao thoa của các yếu tố, các quy luật là cơ sở lí luận của việc NCKH GD và hoạt động thực tiễn GD

Bất kì một đề tài NCKH dù ở các cấp độ vĩ mô hay vi mô đều dựa trên cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn. Cơ sở thực tiễn là sự vận động của hiện tượng GD đang

tồn tại (gọi là thực trạng) và xu thế phát triển của hiện tượng đó. Ví dụ, hiện tượng bạo lực trong học sinh, sinh viên là một thực trạng đang tồn tại. Hiện tượng đó có thể giảm hoặc tăng. Nếu để tự phát, tự nhiên hiện tượng có thể tăng nhưng nếu xác định được bản chất, nguyên nhân của hiện tượng, có phương pháp quản lí, tác động hợp lí thì hiện tượng sẽ giảm.

* Cơ sở lí luận của một đề tài nghiên cứu thường phải giải quyết 3 yêu cầu:

- Trước hết, phải trình bày được lịch sử nghiên cứu (hay gọi là tổng quan nghiên cứu). Trình bày lịch sử nghiên cứu nhằm khẳng định vị trí, ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, nếu nghiên cứu sẽ bổ sung làm phong phú cho lí luận và thực tiễn ở góc độ nào đó. Mặt khác, trình bày lịch sử nghiên cứu còn là để biết tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu của những người đi trước ở mức độ cần thiết. Không ít đề tài khoa học lại trình bày lịch sử vấn đề (nghĩa là trình bày lịch sử ra đời, phát triển của vấn đề, chứ không trình bày xem những người nghiên cứu trước đã nghiên cứu vấn đề đó ở những khía cạnh nào để xác định nội dung đề tài của tác giả nghiên cứu là không trùng lặp lại các đề tài trước.

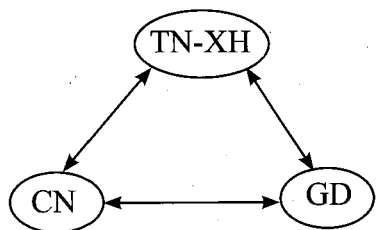
- Yêu cầu thứ 2 là phân tích nội hàm những khái niệm công cụ (có thể gọi là những khái niệm sử dụng nghiên cứu đề tài). Mục đích của việc trình bày nội hàm khái niệm công cụ là xác định mức độ của vấn đề nghiên cứu (coi đó là tiêu chí, là nội dung, tiêu chuẩn để nghiên cứu) có thể coi khái niệm công cụ là phương tiện, là thước đo khi nghiên cứu. Khái niệm công cụ khác khái niệm cơ bản.

- Yêu cầu thứ 3 là phải phân tích được những yếu tố

khách quan ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu.

Đây là yêu cầu quan trọng nhất của việc xác định cơ sở lí luận để nghiên cứu một vấn đề khoa học vì khi xác định được những yếu tố chính xác mới để xuất được phương hướng, biện pháp hợp lí phát huy được mặt tích cực của các yếu tố, hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực.

1.1. Quy luật thứ nhất: Về mối quan hệ chế ước giữa những điều kiện tự nhiên (TN) xã hội (XH) con người (CN) của quá khứ, hiện tại và tương lai đến quá trình GD con người ở mỗi thời kì lịch sử nhất định, chế ước việc xác định mục tiêu GD các ngành học, cấp học. Quy luật khách quan đó có thể mô hình hoá như sau (xem mô hình 1).



Mô hình 1: Quan hệ biện chứng của các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển CN và GD

- Quy luật trên là quy luật vĩ mô, nó chế ước chi phối quá trình phát triển từng con người và nguồn lực người; nó chi phối quá trình phát triển GD từ hệ thống GD XH của một thời kì dài đến việc giảng dạy một môn học, GD một cấp học, một lớp học.

- Trước hết, ta hiểu các yếu tố TN bao gồm địa hình, khí hậu, sông ngòi... không gian. Còn các yếu tố XH bao gồm CN và XH loài người trải qua quá trình phát triển do CN sáng tạo ra bao gồm di sản vật chất và di sản tinh thần, quan hệ CN với CN trong sản xuất, trong giao lưu XH ở gia đình, cộng đồng, họ hàng, vui chơi, văn hoá, tôn giáo, khác giới... **cái quan hệ quan trọng nhất của CN** chi phối quá trình phát triển nhân cách, phát triển GD ở mỗi thời kì lịch sử **không chỉ là quan hệ của những CN đang sống, đang hoạt động mà còn chịu ảnh hưởng của quá khứ và tương lai.** Bất kì một dân tộc nào, mỗi người đang

tồn tại cũng chịu ảnh hưởng tâm lí XH của quá khứ và mong muốn duy trì, phát huy những giá trị tốt đẹp của các thế hệ đã qua. Quy luật của GD là tiếp thu, kế thừa, phát triển các giá trị của quá khứ và cho tương lai để cho CN, XH ngày càng phát triển bền vững tốt đẹp hơn.

Yếu tố GD trong quy luật này cần hiểu theo khái niệm từ rộng đến hẹp nhất, có nghĩa là những hoạt động GD dù nhỏ nhất (như hình thành một thói quen, một giá trị hay tổ chức dạy một bài...) đến khái niệm rộng nhất là quá trình hình thành phát triển nhân cách (một CN, một thế hệ, hoạt động GD của một địa phương, một quốc gia, của một thời kì lịch sử dài hay ngắn...) cũng luôn bị chế ước, chi phối của những

- **TN:** Cần hiểu bao gồm điều kiện TN của từng vùng, mỗi quốc gia và cả hành tinh

- **XH:** Bao gồm cả quá khứ, hiện tại và xu thế phát triển của thế giới, quốc gia và địa phương.

- **CN:** Bao gồm mô hình nhân cách chất lượng người, số lượng, cơ cấu dân cư, gồm cá nhân và cộng đồng.

- **GD:** Từ nghĩa rộng đến nghĩa hẹp

điều kiện TN, XH của quá khứ và hiện tại, cũng như xu thế phát triển của TN, XH, CN.

- Trong chừng mực nào đó, yếu tố CN nằm trong yếu tố XH. Nhưng ở một góc độ nào đó, CN lại là chủ thể của sự phát triển TN XH, vì vậy CN có tính độc lập tương đối của nó, bao gồm từng cá nhân và cộng đồng người ở trong gia đình, địa phương, dân tộc và nhân loại. *CN ngày nay là sản phẩm của sự đan xen, giao thoa các quan hệ, các tác động của môi trường TN, XH vĩ mô và vi mô.*

1.2. Quy luật thứ 2: Quá trình phát triển nhân cách (phẩm chất và năng lực) luôn bị chế ước biện chứng, giao thoa bởi các tác động của môi trường vi mô và vĩ mô. Hiệu quả và chất lượng GD là tổng hoà của hoạt động cá nhân và quản lí thống nhất tác động của các lực lượng XH và TN nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực, phát huy tối đa những yếu tố tích cực tạo ra môi trường thuận lợi nhất cho mỗi cá nhân được phát triển.

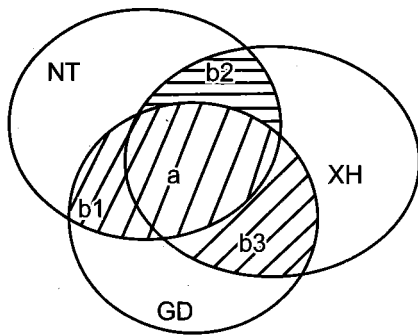
Tính phức tạp của quy luật này ngày càng gia tăng do sự phát triển của quan hệ XH ngày càng mở rộng. Trong nền văn minh nông nghiệp, quan hệ có ảnh hưởng đến nhân cách chủ yếu là quan hệ gia đình, hàng xóm láng giềng. Sang nền văn minh công nghiệp, quan hệ trong sản xuất công nghiệp (được chi phối ràng buộc quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên trong sản xuất) là nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách. Hiện nay, do sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, do quan hệ quốc tế được mở rộng, hội nhập để hợp tác, giải quyết những vấn đề của thời đại nên môi trường TN và XH ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách. Tư tưởng của K.Mác về “bản chất của CN là tổng hoà các quan hệ XH” luôn luôn đúng và ngày nay quy luật đó càng chế ước, chi phối sự phát triển nhân cách và phương hướng phát triển GD. Nhận thức của chúng ta về quy

phú, đa dạng nên con người không chỉ chịu sự tác động của giao lưu trực tiếp như cùng lao động, vui chơi, hoạt động... mà **còn chịu tác động gián tiếp qua vô tuyến truyền hình, qua mạng Internet...**

Tính giao thoa của các môi trường vi mô và vĩ mô, giữa tác động trực tiếp và gián tiếp và sự thay đổi tính chất của ngay mỗi quan hệ đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ đã buộc các nhà sư phạm phải dẫn đo tính toán sáng tạo những giải pháp để tạo ra sự thống nhất của các lực lượng, các quan hệ xã hội trực tiếp, gián tiếp, vi mô và vĩ mô... hơn bao giờ hết.

Tính chất của quy luật trên trước đây và hiện nay có thể mô hình hoá như sau (xem mô hình 2 và 3).

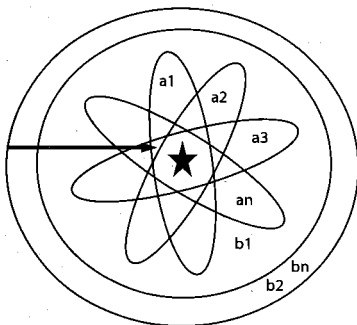
Trước đây, sự phát triển và hình thành nhân cách chủ yếu do tác động của môi trường vi mô, môi trường nhỏ, trực tiếp chủ thể sống, tham gia hoạt động trong đó (xem mô hình 2).



Mô hình 2: Những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển nhân cách

Chú thích:

- NT** : Nhà trường
- GD** : Gia đình
- XH** : Các tổ chức XH
: Các đối tượng được GD
- a** : Kế hoạch hoạt động chung của tất cả các lực lượng XH.
- b1; b2; b3**: Những nội dung hoạt động chung của các lực lượng bộ phận



Mô hình 3: Tính giao thoa phức tạp của các yếu tố tác động tới sự phát triển nhân cách và yêu cầu đổi mới quản lí tác động GD trong thời đại này nay

Ghi chú:

- ★ : Con người và sự phát triển nhân cách.
- a1; a2; a3; an là môi trường vi mô, tác động trực tiếp tới sự phát triển nhân cách.
- b1, b2, bn ... là môi trường vĩ mô (môi trường lớn) có tác động trực tiếp và gián tiếp tới cá nhân và môi trường vi mô.
- : Tính thống nhất chất đan xen của các tác động đến sự phát triển nhân cách.

luật đó ngày càng sâu sắc và có ý nghĩa khi vận dụng quy luật đó vào NCKH và hoạt động GD.

Do sự phát triển của công nghệ thông tin, của các phương tiện thông tin đại chúng... ngày càng phong

Qua mô hình 3, ta có thể thấy tính phức tạp của môi trường XH ngày nay. Trước hết, mỗi thành viên trong XH hiện nay **hoạt động trong rất nhiều tập thể XH**. Ngoài gia đình, cộng đồng, nhà trường... ngày

nay còn tham gia các lớp học thêm, sinh hoạt trong các câu lạc bộ, lao động trong nhiều đơn vị khác nhau (thầy giáo có thể dạy ở nhiều trường; vừa là nhà kinh doanh, vừa sản xuất...); *Môi trường vi mô và vĩ mô ngày nay phức tạp hơn xưa rất nhiều.* Chỉ riêng kết cấu gia đình Việt Nam hiện nay đã có khá nhiều mô hình khác nhau và có tác dụng GD khác nhau đến sự phát triển nhân cách. Cùng một gia đình, do tiếp thu những giá trị XH ở mức độ khác nhau nên ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách các thành viên cũng khác nhau.

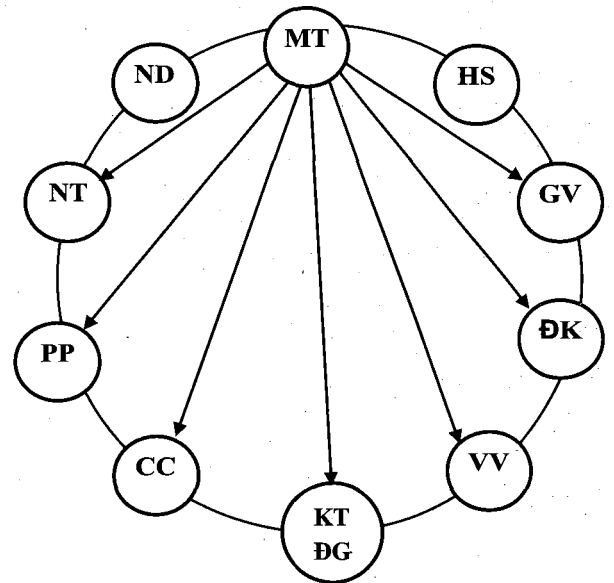
Trong gia đình cũng như XH, các giá trị vật chất đang được đề cao, những cống hiến có hiệu quả về vật chất và tinh thần, những giá trị trí tuệ, ý thức công dân và đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xây dựng XH công bằng dân chủ văn minh... đang là thước đo phẩm chất nhân cách của các thành viên trong gia đình cũng như XH. Tuy nhiên, không ít gia đình có nhận thức lệch lạc với giá trị XH, vì vậy đã hạn chế hiệu quả GD thế hệ trẻ, không phát huy được vai trò của gia đình trong thời đại hiện nay.

Trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, chưa bao giờ môi trường GD lại phong phú, đa dạng, phức tạp bởi *tính giao thoa của các nền văn minh, giao thoa, đan xen của các giá trị truyền thống và hiện đại, giữa tích cực và tiêu cực, giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái tiến bộ và bảo thủ, giữa cái thiện và cái ác, giữa vật chất và tinh thần,...* *Tính giao thoa, đan xen ở ngay mỗi người, mỗi gia đình, cộng đồng XH, ngay trong GD nhà trường, đoàn thể XH, tổ chức chính trị và ngay trong từng hoạt động XH (sản xuất, kinh doanh, văn hoá, thể dục thể thao, du lịch...).*

Quy luật về mối quan hệ chế ước, giao thoa lẫn nhau của các yếu tố TN và XH, giữa môi trường vi mô và vĩ mô... là một trong những quy luật rất quan trọng vì nó chi phối, chế ước, nó là cơ sở lí luận của mọi hoạt động của hệ thống GD của mỗi quốc gia. Phải coi đó là một trong những cơ sở lí luận quan trọng nhất của việc NCKH, của việc quản lí GD, hoạt động GD và dạy học. Việc hiểu và vận dụng quy luật đó vào thực tế là một đòi hỏi cấp thiết của thời đại ngày nay, vì nó có ảnh hưởng rất lớn đến

những định hướng phát triển GD trong cuộc cách mạng GD đang tiến hành ở các quốc gia trong đó có Việt Nam.

1.3. Quy luật thứ 3: Cần phải coi là cơ sở lí luận của việc NCKH và hoạt động thực tiễn GD. *Đó là mọi hoạt động giáo dục, dạy học, các phong trào hoạt động GD luôn luôn bị chế ước, chi phối lẫn nhau giữa các thành tố tham gia trực tiếp và gián tiếp vào các quá trình đó (xem mô hình 4).*



Ghi chú:

- + MT: Mục tiêu.
- + ND: Nội dung.
- + NT: Nguyên tắc.
- + PP: Phương pháp.
- + CC: Cơ chế tổ chức, quản lí.
- + KTĐG: Kiểm tra đánh giá.
- + HS: Người học
- + GV: Các nhà sư phạm.
- + VV: Thể hiện sự chế ước, chi phối (sự bắt đầu).

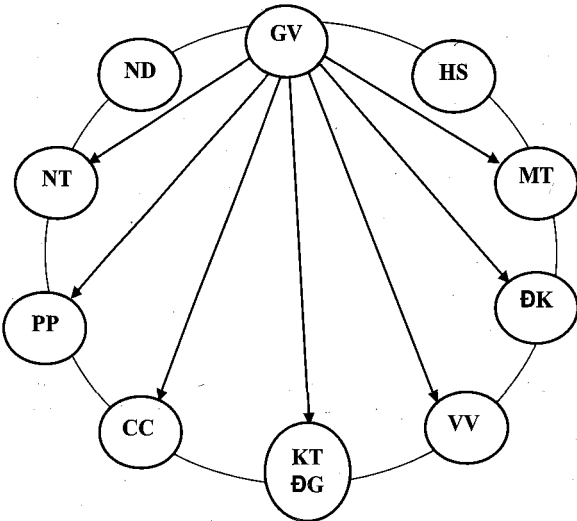
Mô hình 4: Mối quan hệ của các yếu tố, mục tiêu là yếu tố chi phối đầu tiên

- Bất kì một hoạt động GD, dạy học nào cũng được cấu trúc bởi rất nhiều các thành tố.

Những thành tố cơ bản nhất bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, điều kiện, trang thiết bị tài liệu, không gian, thời gian và các chủ thể tham gia vào quá trình GD, dạy học như ở trường học là thầy trò và các lực lượng cùng tham gia, ở gia đình là các thế hệ lớn tuổi với con cháu; ở các tổ chức XH là người lãnh đạo và nhân viên.

Với tư cách là người tổ chức hoạt động dạy học hay GD, nhà sư phạm, thầy cô giáo chính là chủ thể,

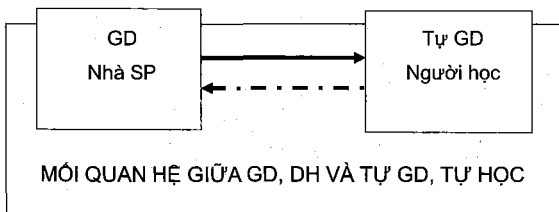
người điều khiển, điều chỉnh tất cả các yếu tố khác. Khi những yếu tố đa dạng, phức tạp, như của thầy cô, cha mẹ càng trở nên quan trọng. (Xem mô hình 5).



Mô hình 5: GV (Nhà SP) là chủ thể quyết định hiệu quả của hoạt động

- Trên thực tế, mỗi yếu tố có vị trí, có ý nghĩa riêng góp phần làm tăng hiệu quả của hoạt động. Ví dụ, thiếu tài liệu, phương tiện thì cũng hạn chế hiệu quả hoạt động của thầy và trò trong việc phát huy tính tích cực, vận dụng các phương pháp, hình thức dạy học hay hoạt động GD. Thời gian nhiều hay ít cho một môn học, cho một hoạt động, hoặc những môn học có thi hay không thi cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ, động cơ học tập của người học.

1.4. Một trong những quy luật, cần phải được coi là cơ sở lí luận của nghiên cứu và đổi mới hoạt động DH, GD là quan hệ tương tác giữa nhà sư phạm với đối tượng GD, giữa quá trình GD và tự GD.



- Bất kì một hoạt động GD hay dạy học ở trường, ở nhà cũng gồm hai chủ thể thầy và trò, cha mẹ và con cái. Thiếu một trong hai chủ thể thì không còn là hoạt động GD, dạy học nữa. Trong hoạt động dạy

học, GD, nhà sư phạm, các bậc cha mẹ hay các thế hệ lớn tuổi... luôn luôn phải là người chịu trách nhiệm tổ chức, điều khiển, điều chỉnh... hoạt động của đối tượng GD vì họ là người nắm chắc mục tiêu, yêu cầu, nội dung cần phải truyền thụ, họ là người có kinh nghiệm, có hiểu biết hơn đối tượng GD lại được XH, nhà giáo giao trách nhiệm đào tạo, GD các thế hệ trẻ kế tục sự nghiệp của các thế hệ đi trước, trở thành những người "Hậu sinh khả ứ" (thế hệ sau phải giỏi hơn thế hệ trước). Với trách nhiệm là thế hệ đi trước, là người có kinh nghiệm, có hiểu biết lại được giao trách nhiệm tổ chức hoạt động nhận thức và rèn luyện của thế hệ trẻ, các nhà sư phạm, các thế hệ lớn tuổi phải có nghĩa vụ dìu dắt, điều chỉnh, điều khiển quá trình học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ, của đối tượng GD. Tuy nhiên, ngày nay không thể áp đặt theo ý chủ quan của các cá nhân nhà sư phạm mà phải được tiến hành một cách khoa học, để biến những yêu cầu của xã hội thành nhu cầu của bản thân người học, tạo mọi cơ hội thuận lợi, phát huy tiềm năng, nguyện vọng,... để phát triển nhân cách ở đối tượng GD.

- Trong hoạt động GD, dạy học, nhà sư phạm là chủ thể vì họ tổ chức quá trình hoạt động. Nhưng trong hoạt động dạy học, GD lại đồng thời diễn ra quá trình nhận thức, rèn luyện của đối tượng GD. Trong hoạt động nhận thức của đối tượng GD thì họ luôn là chủ thể (người khác không thể nhận thức thay được). Như vậy, trong quá trình dạy học, GD, người học vừa là khách thể, vừa là chủ thể. (Khách thể trong hoạt động dạy học so với nhà sư phạm; nhưng họ lại là chủ thể của quá trình nhận thức để phát triển nhân cách). Vì vậy, chúng ta thường nói trong dạy học và GD, thầy (suy rộng ra các nhà sư phạm, các bậc cha mẹ...) và trò (suy rộng ra người học, thế hệ trẻ) vừa là chủ thể vừa là khách thể (thầy là chủ thể vì là người chủ động tổ chức hoạt động nhưng cũng là khách thể vì những tín hiệu ngược của người học làm thầy cũng phải điều chỉnh, cũng được phát triển. Ví dụ, khi giảng dạy học sinh chưa hiểu, thầy phải tự điều chỉnh hoạt động, phải lựa chọn phương pháp cho phù hợp...)

Trên thực tế, có người không hiểu hết các biện chứng của hoạt động dạy học và GD nhấn mạnh vai trò của người học quá mức phủ nhận vai trò của thầy giáo. Vào cuối những năm 70 của thế kỉ XX, khi khoa

học công nghệ thông tin được ứng dụng vào hoạt động dạy học, ở các nước phát triển xuất hiện hình thức tổ chức dạy học từ xa, dạy học qua mạng, đã nảy ra cuộc tranh luận, trao đổi về vai trò của người thầy, vai trò của hình thức tổ chức dạy học trực tiếp. Nhưng ngay sau đó, các nhà khoa học đã thừa nhận rằng không thể coi nhẹ vai trò của thầy giáo, của GD nhà trường, cũng như GD gia đình vì trong XH càng hiện đại, giao lưu mở rộng và tri thức khoa học, công nghệ càng phát triển, phức tạp, thế hệ trẻ luôn sống trong sự lựa chọn vô cùng khó khăn và phức tạp thì vai trò của nhà sư phạm, của GD nhà trường càng quan trọng, càng cần kịp thời, thường xuyên. Đó là cách vận dụng quy luật vào hoàn cảnh mới. Song điều quan trọng là để phát huy vai trò chủ đạo của người thầy thì đòi hỏi ở họ năng lực hơn, toàn diện hơn.

2. Ý nghĩa của việc xác định những quy luật phát triển GD, phát triển nhân cách là cơ sở lí luận của NCKH và hoạt động GD

2.1. Xác định đúng cơ sở lí luận của những quyết sách là quy luật phát triển GD làm cho sự phát triển GD vững chắc hơn

Nắm vững những quy luật GD, hiểu ý nghĩa của từng quy luật phát triển GD giúp chúng ta có cách nhìn xem xét diễn biến của phát triển GD qua các thời kì lịch sử đã qua và phân tích được những thế tất yếu sẽ phải diễn ra, sẽ phải thực hiện trong thời gian sắp tới.

Có thể nói, hiểu biết sâu sắc các quy luật của sự phát triển GD giúp chúng ta có phương pháp luận giải quyết các vấn đề của thực tiễn một cách khoa học, hợp lí tránh được sự vận dụng máy móc, kinh nghiệm GD của người khác, vững tin vào những định hướng đúng phù hợp với quy luật dù bước đầu có khó khăn, cản trở.

Vì không nắm vững quy luật phát triển GD, nhất là những quy luật có tầm vĩ mô như trên nên trong thời gian qua, đã có những sai lầm trong nhận thức và hoạt động quản lí, hoạt động GD; chẳng hạn như đã có lúc cấm mở trường chuyên vì nhiều nơi mở trường chuyên nhằm bồi dưỡng “gà chọi” để thi quốc gia, quốc tế. Thực chất, mở trường chuyên là vận dụng quy luật về mối quan hệ giữa yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội với chất lượng, cơ cấu nguồn lực người là phát triển GD nhằm **khai thác** tiềm năng người, thực hiện chiến lược đào tạo nhân tài để phát

triển kinh tế tri thức. Đã đến lúc phải có một chiến lược đào tạo nhân tài cho các lĩnh vực sản xuất và hoạt động XH khác nhau *theo một quy trình: Phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, sàng lọc, sử dụng - bồi dưỡng thường xuyên*. Chiến lược và quy trình đào tạo nhân tài không chỉ cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ mà trước hết, quan trọng nhất cần cho quản lí nhà nước, hoạt động chính trị XH, văn hoá... Vì đó là lĩnh vực tạo ra sự phát triển XH, CN bền vững và hoạt động quản lí chính trị XH mới là mặt hoạt động phức tạp nhất, khó nhất cần có người giỏi, người tài.

Vì không nắm vững quy luật phát triển GD, chúng ta “*cắm dạy thêm, học thêm*”, yêu cầu “*thầy cô giáo ở tiểu học dạy đủ 9 môn*”; quá coi trọng việc dạy học, chưa thật quan tâm tới GD đạo đức, lối sống, GD lí tưởng sống; Hiện nay, trong quản lí chỉ đạo (nhất là cấp trường học) chưa coi trọng đúng mức tới việc tổ chức dạy học các môn khoa học xã hội - nhân văn, nghệ thuật, GD thể chất, chương trình hoạt động GD ngoài giờ lên lớp, chỉ quan tâm tới các môn thi tốt nghiệp, thi đại học... Có thể nói, tất cả những thiếu sót trên đều bắt nguồn từ việc không nhận thức đầy đủ các quy luật của sự phát triển GD.

2.2. Xác định đúng cơ sở lí luận của NCKH GD sẽ góp phần phát triển lí luận và nâng cao hiệu quả của hoạt động thực tiễn GD

Xác định đúng cơ sở lí luận của NCKH GD là những quy luật khách quan mới phát hiện đúng bản chất của sự vật, hiện tượng đang tồn tại, vận động thì mới tìm ra phương hướng, cách thức tác động vào những mâu thuẫn thúc đẩy thực tiễn phát triển bền vững.

Trong NCKH hiện nay, còn không ít trường hợp trích dẫn thiếu phân tích chọn lọc, kể cả một số nhà nghiên cứu, quản lí, chưa thoát khỏi “*tư duy sao chép*” viển vông nội dung văn bản, ý kiến của người khác cho “*an toàn*” thiếu tư duy độc lập, sáng tạo.

2.3. Hiểu và vận dụng sáng tạo tính giao thoa (logic biện chứng, “logic sư phạm”) thực chất là hiểu bản chất của quá trình GD

Nhận xét của A.Makarenkô từ những năm 30 của thế kỉ XX: “*Đối với chúng ta không thể có vấn đề nào quan trọng hơn vấn đề logic của phương tiện sư phạm*” (Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Ân, *Lịch sử GD thế giới Nhà XBGD Hà Nội, 1998*), cho đến nay vẫn đúng và càng đúng vì những yếu tố TN, XH, các phương tiện GD và đặc điểm của CN hiện đại phong phú, phức tạp

(Xem tiếp trang 14)